

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, KHAI THÁC DU LỊCH SINH THÁI Ở VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY CỦA TỈNH NAM ĐỊNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SOLUTIONS FOR THE MANAGEMENT AND EXPLOITATION OF ECOLOGICAL TOURISM IN THE XUAN THUY NATIONAL PARK OF NAM DINH PROVINCE FOLLOW SUSTAINABLE DEVELOPMENT ORIENTATION

Đỗ Thị Phụng

Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 11/01/2021, chấp nhận đăng ngày 08/03/2021

Tóm tắt: Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch dựa vào tính hấp dẫn của tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa. Đây là một lĩnh vực kinh doanh đầy tiềm năng trên cả góc độ kinh tế, xã hội và môi trường. Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy nằm trên địa bàn huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định với những giá trị về đa dạng sinh học điển hình, có nguồn tài nguyên du lịch sinh thái (DLST) phong phú. Tuy nhiên, hiện tại VQG này đang được quản lý nhằm mục tiêu chính là bảo tồn đa dạng sinh học nên đã hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư địa phương trong việc khai thác tài nguyên DLST dẫn đến chưa khai thác được tối đa các giá trị kinh tế của tài nguyên du lịch này. Chính vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác hiệu quả du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Xuân Thủy của tỉnh Nam Định theo hướng phát triển bền vững.

Từ khóa: Du lịch sinh thái, vườn quốc gia, phát triển bền vững

Abstract: Ecotourism is a type of tourism based on the attractiveness of the natural resources and indigenous culture. This is a potential business sector from both an economic, society and environmental perspective. Xuan Thuy National Park is located in Giao Thuy district - Nam Dinh province with typical biodiversity values, rich ecotourism resources. However, at present, this National Park is managed with the main goal of biodiversity conservation, which limits the participation of tourism businesses and local communities in exploiting ecotourism resources. the economic value of this tourism resource has not yet been fully exploited. Therefore, on the basis of theoretical and practical research, the author proposes solutions to manage and exploit ecotourism in Xuan Thuy national park of Nam Dinh province towards sustainable development.

Keywords: Ecotourism, national park, sustainable development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, DLST đã và đang phát triển rất nhanh ở nhiều nước trên thế giới, thu hút được ngày càng nhiều sự chú ý của các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là những

người có nhu cầu về văn cảnh, khám phá thiên nhiên và tìm hiểu sự đa dạng hệ sinh thái, động thực vật cũng như tính độc đáo, đặc thù của văn hóa bản địa gắn liền với tài nguyên du lịch đó. Sự phát triển của DLST một mặt đem lại việc làm, thu nhập; mặt khác vẫn bảo vệ

được môi trường tự nhiên, sự đa dạng sinh học và văn hóa địa phương. Hơn thế, DLST còn góp phần quan trọng trong việc phát triển cộng đồng, giáo dục môi trường, văn hóa, lịch sử và các hoạt động giải trí. Vì thế, ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, DLST đã trở thành một loại hình kinh doanh có hiệu quả. Tại Việt Nam, DLST đã và đang nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành trong bối cảnh phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn.

Để góp phần phát triển DLST của Vườn quốc gia Xuân Thủy - tỉnh Nam Định, tác giả sẽ tiến hành phân tích thực trạng quản lý, khai thác nơi đây làm cơ sở đề xuất mô hình tổ chức quản lý cũng như phương án khai thác du lịch sinh thái theo hướng phát triển bền vững sao cho vừa phát huy hiệu quả việc kinh doanh du lịch sinh thái vừa thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả vận dụng phương pháp phân tích và tổng hợp dựa trên các số liệu thống kê của Bnam quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2015-2019; kết quả khảo sát qua internet 100 du khách đã đến VQG này và khảo sát trực tiếp 30 hộ dân xung quanh VQG nhằm đánh giá đúng thực trạng quản lý và khai thác du lịch tại VQG Xuân Thủy hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả sẽ đưa ra các giải pháp quản lý và khai thác hiệu quả du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy theo hướng phát triển bền vững trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Vườn quốc gia

Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch sinh thái bền vững đòi hỏi VQG cần triển khai thực hiện tốt các nguyên tắc sau:

- Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn

hóa và xã hội phải kết hợp với bảo tồn nhằm đảm bảo cho việc kinh doanh du lịch phát triển lâu dài.

- Giảm sự tiêu thụ quá mức tài nguyên và hạn chế tối đa lượng chất thải nhằm giảm thiểu các chi phí bỏ ra cho việc hồi phục tổn hại về môi trường cũng như đảm bảo được chất lượng phục vụ của du lịch.

- Duy trì tính đa dạng của thiên nhiên, xã hội và văn hóa là yếu tố cốt yếu cho du lịch phát triển bền vững.

- Hợp nhất phát triển du lịch vào trong khuôn khổ quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia và địa phương nhằm tăng khả năng tồn tại lâu dài của ngành du lịch.

- Phát triển du lịch phải tính đến giá trị và chi phí về môi trường để có thể vừa thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển lại vừa tránh được tổn hại về môi trường.

- Lôi kéo sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch nhằm mang lại lợi ích cho người dân địa phương, bảo vệ được môi trường cũng như nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

- Cần có sự trao đổi, thảo luận giữa ngành du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan liên quan nhằm cùng nhau giải tỏa các mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi.

- Chú trọng công tác đào tạo nguồn lực trong đó có lồng ghép vấn đề phát triển du lịch bền vững vào thực tiễn công việc và cùng với việc tuyển dụng lao động địa phương ở mọi cấp sẽ làm tăng chất lượng phục vụ du lịch.

- Cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường thiên nhiên, văn hóa và xã hội ở nơi tham quan, đồng thời sẽ làm tăng sự hài lòng của du khách.

- Tiếp tục nghiên cứu và giám sát các hoạt động du lịch thông qua việc sử dụng và phân tích có hiệu quả thực trạng khai thác du lịch là rất cần thiết nhằm giúp giải quyết tốt những vấn đề tồn đọng cũng như mang lại lợi ích cho VQG, ngành du lịch và du khách.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Vườn quốc gia

3.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững về kinh tế

- *Cơ sở hạ tầng*: bao gồm hệ thống giao thông, hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống cấp thoát nước, mạng lưới điện... Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ là yếu tố tiền đề đảm bảo thời gian, an toàn, tiện nghi cho du khách tiếp cận dễ dàng với VQG, thỏa mãn được nhu cầu thông tin liên lạc và các nhu cầu khác của du khách trong chuyến đi.

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*: bao gồm các cơ sở lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, các tiện nghi phục vụ du lịch... đóng vai trò quan trọng, tác động trực tiếp đến hiệu quả khai thác tài nguyên và tác động đến mức độ thỏa mãn nhu cầu của du khách bởi năng lực và tính tiện ích của nó.

- *Tài nguyên du lịch* là yếu tố đầu vào quan trọng, đồng thời cũng là yếu tố tác động đến phát triển bền vững du lịch. Số lượng, chủng loại, cơ cấu, mức độ đa dạng, vị trí và khả năng khai thác có tác động trực tiếp đến việc xác định mục tiêu phát triển, lựa chọn sản phẩm du lịch đặc trưng, đưa ra các giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững.

- *Nguồn nhân lực du lịch* là nhân tố vô cùng quan trọng vì phần lớn lao động tiếp xúc trực tiếp với khách hàng. Do vậy, chất lượng dịch vụ được cung cấp cho khách hàng không chỉ phụ thuộc vào trình độ, kỹ năng tay nghề của người lao động mà còn phụ thuộc vào thái độ

làm việc và đạo đức nghề nghiệp của họ.

- *Chất lượng sản phẩm du lịch* là một trong những yếu tố then chốt tạo nên uy tín, thương hiệu cho VQG. Từ đó, góp phần làm tăng thời gian lưu trú tham quan, thúc đẩy chi tiêu, tăng nguồn thu, giúp du lịch phát triển bền vững.

- *Các quy định, cơ chế chính sách* khuyến khích sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp vào hoạt động du lịch được ban hành cũng như công tác thông tin, tuyên truyền, xúc tiến và quảng bá được tích cực triển khai sẽ thúc đẩy sự phát triển du lịch sinh thái của VQG theo hướng bền vững.

3.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững về văn hóa - xã hội

Sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch làm cho du lịch sinh thái tại VQG phát triển bền vững hơn do du lịch không chỉ tác động đến kinh tế mà còn tác động đến cuộc sống, truyền thống và văn hóa cũng như sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương.

3.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái bền vững về tài nguyên - môi trường

Sự tham gia của các cơ sở kinh doanh dịch vụ, cộng đồng địa phương và khách du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và bảo đảm tính bền vững về sử dụng tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho hoạt động du lịch.

3.3. Tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy của tỉnh Nam Định

3.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

VQG Xuân Thủy là một khu rừng ngập mặn thuộc khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng, nằm ở phía Đông Nam huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Đây là điểm Ramsar

thứ 50 của thế giới, đầu tiên của Đông Nam Á. Hiện nay, VQG Xuân Thủy đang đạt được 3 cái nhất trong khu vực Đông Nam Á: đa dạng sinh học cao nhất, năng suất sinh học lớn nhất, hệ sinh thái nhạy cảm nhất.

Sự kết hợp phù sa màu mỡ của sông Hồng và vùng ven biển đã biến khu vực này thành một khu dự trữ thiên nhiên độc đáo với nhiều động thực vật hoang dã và các loài chim di cư quý hiếm. Hàng năm, từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, hàng chục ngàn cá thể chim di cư từ Xiberi, Trung Quốc, Triều Tiên chọn vườn quốc gia Xuân Thủy để dừng chân, kiếm ăn tích lũy năng lượng để đến Australia trú đông và ngược lại. Trong đó có tới 1/5 số lượng cò mỏ thìa của toàn thế giới. Bởi vậy, vườn quốc gia Xuân Thủy được ví như một ga chim quốc tế quan trọng. Các nhà khoa học đã thống kê được 219 loài chim có mặt tại vườn quốc gia, có trên 150 loài di cư, 50 loài chim nước và có tới 9 loài nằm trong sách đỏ quốc tế trong số 33 loài chim bảo vệ toàn cầu.

Trên vùng đất ngập mặn này, dưới làn nước thủy triều có khoảng 165 loài động vật nổi và 154 loài động vật đáy. Có 37 loài bò sát - ếch nhái với 6 loài quý hiếm và có giá trị bảo tồn. Có 17 loài thú, trong đó có 3 loài quý hiếm. Ngoài ra, khu rừng sú vẹt Xuân Thủy là nơi cư ngụ của nhiều loài chim, mèo biển, cáo biển, rái cá... Dưới nước là các loại tôm, cá, cua, rần, ngao, sò... là nguồn thức ăn phong phú của các loài chim. Có 122 loài cá và trên 100 loài côn trùng. Hệ động vật phong phú có giá trị kinh tế cao đã góp phần tạo nên sự khởi sắc về kinh tế - xã hội cho các xã vùng đệm.

Về thực vật, vườn hiện có 120 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó gần 20 loài thích nghi với điều kiện sống ngập nước hình thành nên hệ thống rừng ngập mặn trên 3.000 ha. Rừng ở đây góp phần cố định phù sa để tạo nên các bãi bồi mới, làm vườn ươm và cung

cấp thức ăn cho các loài động vật thủy sinh, đồng thời đóng vai trò cân bằng sinh thái trong khu vực. Ngoài ra, còn có nhiều loài rong tảo có giá trị kinh tế cao, tiêu biểu là loài rong câu chỉ vàng. Có 192 loài thực vật trên cạn và 112 loài thực vật nổi. Hệ sinh thái đa dạng ở Vườn quốc gia Xuân Thủy đã tạo nên tiềm năng lớn cho phát triển du lịch sinh thái.

3.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Cộng đồng dân cư vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy tiêu biểu cho nền văn hóa mở đất của cư dân Đồng bằng châu thổ sông Hồng. Trải qua gần 300 năm với truyền thống quai đê, lấn biển, chinh phục thiên nhiên, cộng đồng dân cư địa phương đã khai hoang lập ấp tạo nên hệ thống kiến trúc nhà bồi, cảng cá, các điểm sản xuất nước mắm truyền thống, các khu chợ sầm uất, nhà thờ Thiên chúa giáo và chùa chiền dân gian được xây dựng trên những làng quê thanh bình vẫn còn được bảo tồn.

Nơi đây còn lưu giữ những sinh hoạt văn hóa mang đậm dấu ấn của nền văn minh lúa nước đồng bằng sông Hồng như: hát chèo, hát chầu văn, bơi chải, múa lân, chọi gà, đấu vật... vào các dịp lễ hội cũng như trong sinh hoạt thường nhật của cộng đồng.

Theo đánh giá của Trung tâm Bảo tồn sinh vật biển và Phát triển cộng đồng, VQG Xuân Thủy hội tụ đủ điều kiện để có thể trở thành một điểm DLST hấp dẫn bởi cảnh quan, sự đa dạng sinh học cũng như nét văn hóa truyền thống của người dân bản địa với các loại hình văn nghệ dân gian; sự giao thoa hòa hợp giữa đạo Phật và Công giáo; nét đặc trưng của ngôi nhà bồi, sinh hoạt thường nhật của cộng đồng địa phương. Chính vì vậy, nơi đây không chỉ là địa điểm tham quan, nghỉ dưỡng mà còn là nơi lý tưởng cho du khách tìm hiểu, khám phá nét đẹp văn hóa truyền thống của làng quê Bắc Bộ Việt Nam.

3.4. Thực trạng tổ chức quản lý và khai thác DLST tại Vườn quốc gia Xuân Thủy của tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2019

Hoạt động quản lý và khai thác du lịch sinh thái hoàn toàn do sự điều hành, giám sát của Ban Quản lý VQG Xuân Thủy. Với tài nguyên du lịch sinh thái phong phú và đa dạng, hiện tại VQG Xuân Thủy đã tổ chức nhiều hoạt động du lịch cụ thể như: du thuyền, quan sát chim, dã ngoại, tham quan nghiên cứu đa dạng sinh học, tìm hiểu về đời sống, phong tục tập quán và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, với cơ cấu tổ chức như hiện nay thì VQG Xuân Thủy chủ yếu mới chỉ thực hiện được hoạt động đón tiếp khách đến vườn chứ chưa tích cực chủ động triển khai hoạt động quảng bá về du lịch, thu hút khách và xây dựng các chương trình du lịch có điểm đến là VQG Xuân Thủy.

Du khách quốc tế từ các quốc gia khác nhau đến vườn tập trung chủ yếu vào mùa chim di trú. Còn khách nội địa đến đây hầu như vào tất cả các mùa trong năm và chủ yếu là các nhà khoa học đến quan sát, nghiên cứu; các nhóm nhỏ khách tham quan tìm đến theo thông tin truy cập trên mạng internet hoặc qua môi giới của một số công ty lữ hành. Ngoài ra, còn có học sinh, sinh viên, cán bộ nhân viên đến từ khối các cơ quan nhà nước và con em địa phương đi xa về thăm quê.

Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng khách tăng đáng kể và đối tượng khách đến tham quan cũng đa dạng hơn song vẫn còn ở mức khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của VQG.

Từ bảng 1 cho thấy:

Trong giai đoạn 2015-2019, doanh thu từ du lịch có sự tăng dần và đến năm 2016 là cao nhất. Nhưng đến năm 2017, 2018, 2019 thì lại có dấu hiệu giảm dần do các sản phẩm, chương trình du lịch còn nghèo nàn nên kém hấp dẫn du khách. Trong đó, doanh thu từ

hoạt động dịch vụ cho thuê phòng nghỉ và phòng họp đem lại thấp nhất do khách đến VQG chủ yếu là đi trong ngày, ít dùng các dịch vụ phòng nghỉ tại vườn.

Bảng 1. Cơ cấu doanh thu từ hoạt động du lịch giai đoạn 2015-2019

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Phòng nghỉ	Hướng dẫn du lịch	Dịch vụ ăn uống	Cho thuê phương tiện	Cho thuê phòng họp	Tổng doanh thu
2015	794	613	3.081	3.250	187	7.925
2016	1.805	3.852	7.474	12.326	223	25.680
2017	657	1.420	4.048	4.577	195	10.897
2018	498	1.171	3.232	4.682	172	9.755
2019	390	415	1.108	1.718	274	3.905

(Nguồn: Tổng hợp báo cáo VQG Xuân Thủy)

Để xác định rõ nguyên nhân thì tác giả đã tiến hành điều tra điện tử từ 100 khách du lịch đến VQG Xuân Thủy trong năm 2019 và phỏng vấn trực tiếp 30 hộ gia đình tham gia vào các hoạt động phục vụ du lịch. Trên cơ sở những số liệu thu thập được, tác giả có những đánh giá sát thực như sau:

Du khách đến VQG Xuân Thủy chủ yếu ở độ tuổi thanh niên và trung niên, có thu nhập và thích khám phá thiên nhiên. 51% lựa chọn thuê phòng của khách sạn tư nhân; 38% thuê nhà dân ngụ qua đêm với mục đích trải nghiệm và 11% ở lại phòng nghỉ của Vườn.

Bảng 2. Đánh giá chung của du khách về du lịch VQG Xuân Thủy

Các nội dung đánh giá	Rất hấp dẫn/ Rất tốt (%)	Hấp dẫn/Tốt (%)	Chưa hấp dẫn/ Chưa tốt (%)
1. Cảnh quan khu du lịch	50	35,75	14,25
2. Đội ngũ nhân viên	19	28	53
3. Dịch vụ vui chơi giải trí	8	12	80
4. Chất lượng dịch vụ	5	40	55

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Kết quả tổng hợp ý kiến du khách cho thấy: có 85,75% du khách cho biết họ muốn quay trở lại VQG Xuân Thủy do tính hấp dẫn của cảnh quan thiên nhiên nơi đây. Điều đó chứng tỏ sức hấp dẫn rất lớn của loại hình du lịch sinh thái và tính bền vững trong phát triển kinh tế du lịch ở huyện.

Du khách đánh giá tính chuyên nghiệp trong hướng dẫn, phục vụ của đội ngũ nhân viên Trung tâm Du lịch sinh thái ở mức rất tốt là 19%, mức tốt là 28% và 53% ở mức chưa tốt. Điều này cũng dễ hiểu bởi đa số nhân viên ở đây còn hạn chế chuyên môn về du lịch.

Các dịch vụ vui chơi giải trí còn thiếu, trong số 100 du khách được phỏng vấn chỉ có 8% cho rằng dịch vụ vui chơi giải trí là rất hấp dẫn, 12% cho rằng hiện tại đủ hấp dẫn và 80% nói rằng ở đây thiếu dịch vụ vui chơi giải trí.

Đánh giá chung về chất lượng các dịch vụ: du khách chưa được đáp ứng tốt nhu cầu nên số du khách cho là chất lượng các dịch vụ rất tốt chỉ chiếm 5%, khách cho là tốt chiếm 40% và số cho là chưa tốt chiếm 55%.

Bảng 3. Tổng hợp ý kiến người dân về ảnh hưởng của du lịch

Mức độ ảnh hưởng (% số người trả lời)					
TT	Chỉ tiêu	Xấu	Không ảnh hưởng	Tốt	Không ý kiến
1	Việc làm		89,7	7,7	2,6
2	Kinh tế		88,5	9,0	2,6
3	Giao thông	2,6	25,6	67,9	3,8
4	An ninh, trật tự		94,9		5,1
5	Phong tục	1,3	98,7		
6	Môi trường	6,4	65,4		28,2

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Kết quả tổng hợp ý kiến người dân cho thấy: 90% dân cư gốc, sinh sống lâu đời trên địa bàn đều cho rằng với giá trị tài nguyên phong

phú và đa dạng thì đây là một nơi hấp dẫn khách du lịch. Hơn thế, họ cũng đã phần nào ý thức được phát triển du lịch sinh thái sẽ là một sinh kế mới cho cộng đồng địa phương nhằm góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tại VQG Xuân Thủy, khách du lịch ít có mối quan hệ với người dân địa phương ngoại trừ một số ít gia đình có cho khách ngủ qua đêm. Qua phỏng vấn người dân thì có đến 61,2% được trả lời là không có quan hệ gì; tỷ lệ cho khách du lịch ngủ lại nhà là 5,1%; tỷ lệ người có gặp và trao đổi với vài người khách là 31,6%; tỷ lệ có thu nhập từ du khách qua bán các sản phẩm của địa phương là 3,1%.

Mặc dù hiện tại mối quan hệ giữa người dân địa phương và khách du lịch là không nhiều song hầu hết người dân muốn tham gia nhiều hơn vào hoạt động DLST tại VQG với nhiều hình thức khác nhau như: bán các sản phẩm của địa phương, cho thuê nhà ngủ, phục vụ ăn uống...

Như vậy, có thể nói hoạt động quản lý và khai thác du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy còn manh mún, thiếu hệ thống, mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng vẫn còn mang tính tự phát, chưa tạo được sự liên kết và trùng lặp về sản phẩm, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách cũng như chưa tương xứng với tiềm năng cả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Cụ thể:

- VQG chưa xây dựng được mô hình phát triển du lịch sinh thái bền vững. Chưa có cơ chế phối hợp tổ chức quản lý, khai thác và chia sẻ lợi ích với cộng đồng dân cư cũng như các doanh nghiệp du lịch.

- Mặc dù đã làm du lịch trong thời gian dài nhưng chưa có quy hoạch tổng thể, dẫn đến tình trạng đầu tư chắp vá, không đồng bộ làm cho hiệu quả kinh doanh du lịch sinh thái chưa cao.

▪ Điều kiện cơ sở hạ tầng du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy và các xã vùng đệm còn đơn giản, chưa đáp ứng tốt nhu cầu tham quan, ăn nghỉ của du khách. Giao thông đi đến vườn còn khó khăn nên mất nhiều thời gian của du khách. Các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách du lịch chưa đa dạng, dẫn đến doanh thu của các cơ sở kinh doanh dịch vụ tại các khu, điểm du lịch chưa cao. Hệ thống nhà hàng xây dựng nhiều nhưng quy mô và chất lượng phục vụ chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là đối với khách du lịch có thu nhập cao. Đa số là các cơ sở lưu trú có quy mô nhỏ, số lượng cũng như chất lượng phòng nghỉ chưa đạt chuẩn, các dịch vụ bổ trợ như bể bơi, xông hơi, massage... gần như không có. Các nhà nghỉ homestay còn ít do lượng người dân tham gia vào loại hình này chưa nhiều, các trang thiết bị của nhà nghỉ homestay chưa được tiện nghi. Trên địa bàn các xã vùng lõi của VQG hiện nay vẫn còn thiếu các khu vui chơi giải trí, khu bán hàng lưu niệm để phục vụ du khách. Những hạn chế đó đã ảnh hưởng đến việc thu hút du khách đến tham quan cũng như không kéo dài thời gian lưu trú của khách.

▪ Sản phẩm du lịch nghèo nàn, các mặt hàng lưu niệm mang tính truyền thống của địa phương còn đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu tham quan mua sắm của du khách nên chưa hấp dẫn du khách chi tiêu nhiều, khiến cho doanh thu từ hoạt động du lịch không cao.

▪ Lực lượng lao động phục vụ du lịch còn mỏng, thiếu chuyên nghiệp. Tỷ lệ lao động du lịch qua đào tạo thấp.

▪ Các hoạt động quảng bá, xúc tiến, tìm kiếm, khai thác thị trường khách du lịch chưa được quan tâm đúng mức nên lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến VQG còn ở mức rất khiêm tốn.

▪ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các điểm du lịch tăng lên. Nhiều rác thải như giấy, vỏ

bánh kẹo, bao túi ni lông được du khách vứt bừa bãi trên cồn Lu và dưới lòng sông Hồng. Trong khu du lịch còn tồn tại tình trạng chất thải rắn, rác thải, nước thải chưa được thu hồi, xử lý triệt để. Các nhà vệ sinh công cộng tại điểm du lịch vẫn còn thiếu, nhiều nơi xuống cấp. Bên cạnh đó, sự phát triển du lịch còn làm gia tăng mức ô nhiễm không khí, nước, tiếng ồn, thay đổi cảnh quan thiên nhiên và ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài sinh vật.

3.5. Đề xuất giải pháp quản lý, khai thác du lịch sinh thái bền vững ở VQG Xuân Thủy của tỉnh Nam Định trong thời gian tới

3.5.1. Đề xuất mô hình tổ chức quản lý du lịch sinh thái ở VQG Xuân Thủy

VQG Xuân Thủy được thành lập với chức năng quản lý và bảo tồn sự đa dạng sinh học là chủ yếu, còn mục tiêu phát triển du lịch sinh thái chỉ là dịch vụ đi kèm và chưa được quan tâm đúng mức. Để đạt hiệu quả tối đa thì cần thành lập bộ phận kinh doanh DLST một cách độc lập, chuyên nghiệp với mục tiêu vừa khai thác tiềm năng của VQG vừa tạo nguồn thu phục vụ cho việc bảo tồn đa dạng sinh học. Theo đó, tác giả đề xuất nên thành lập công ty TNHH MTV du lịch sinh thái trực thuộc Ban quản lý VQG. Công ty này hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, được tự chủ kinh doanh, được vay vốn, huy động vốn để đầu tư phát triển và khai thác DLST tại VQG. Lợi nhuận của công ty sẽ được trích lại phục vụ cho công tác bảo tồn tại vườn.

3.5.2. Đề xuất giải pháp khai thác du lịch sinh thái bền vững ở VQG Xuân Thủy

Để khai thác du lịch sinh thái bền vững ở VQG Xuân Thủy, tác giả đề xuất ba nhóm giải pháp chính về kinh tế, văn hóa - xã hội và tài nguyên - môi trường. Cụ thể như sau:

❖ *Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế*

Tổ chức tốt công tác quy hoạch bởi đây là một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên đảm bảo cho phát triển du lịch sinh thái bền vững. Trong quá trình quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, lập các dự án khả thi đầu tư phát triển du lịch, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa Ban Quản lý VQG với chính quyền và cộng đồng địa phương.

Chuẩn bị tốt hệ thống nhà nghỉ dưỡng cũng như các công trình khác đi kèm và các dịch vụ đời sống tốt. Muốn vậy, cần phối hợp với các thành phần kinh tế để nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Đồng thời, nâng cao chất lượng các dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê phương tiện di chuyển, phòng nghỉ, ăn uống... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Quy hoạch khu bán hàng lưu niệm, bản đồ, sách ảnh, đĩa tài liệu tập trung, định mức giá cả đồng nhất.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch sinh thái nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của từng loại khách hàng. Cụ thể, nhóm sản phẩm mang tính giáo dục, diễn giải phục vụ cho đối tượng khách là học sinh, sinh viên và nhóm sản phẩm tìm hiểu tự nhiên và văn hóa bản địa phục vụ cho đối tượng khách là nhà nghiên cứu. Theo đó, các chương trình du lịch có thể kết hợp với việc tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ hát chèo, chầu văn, các chương trình đốt lửa trại, các trò chơi dân gian; Nhóm sản phẩm mang tính thư giãn, nghỉ ngơi dành cho du khách muốn tận hưởng không khí trong lành và không gian yên tĩnh. Theo đó, các dịch vụ cung cấp phù hợp là câu cá, câu cua, du lịch làng nghề, du lịch lễ hội, trồng cây lưu niệm ở vùng cửa sông ven biển...; Nhóm sản phẩm độc đáo dành cho du khách có nhu cầu khám phá cao, đặc biệt là du khách quốc tế. Do đó, nên kết hợp cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng cho nhóm khách hàng này.

Xây dựng kế hoạch phát triển các làng nghề truyền thống nuôi ong, trồng nấm sò, chế biến thủy hải sản, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ... nhằm phát triển kinh tế địa phương cũng như tạo ra những sản phẩm đảm bảo tính mới lạ, độc đáo, là đặc sản phục vụ nhu cầu mua về làm quà của khách du lịch.

Tích cực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch. Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý thông qua việc tổ chức các lớp học ngắn hạn định kỳ, mời các chuyên gia trong ngành đến tập huấn, cử cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước để học tập kinh nghiệm; Tăng cường đào tạo nghiệp vụ và giáo dục nâng cao dân trí, ứng xử cho người dân địa phương tham gia phục vụ du lịch để họ biết cách khai thác các dịch vụ gắn với bảo vệ cảnh quan môi trường; Thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao từ các địa phương khác về làm việc, đảm bảo trả lương cao theo việc làm chứ không chỉ theo trình độ học vấn để giữ chân những lao động có trình độ chuyên môn cao, ngoại ngữ tốt.

Tổ chức hoạt động khai thác các thị trường tiềm năng phù hợp với từng đối tượng khách hàng:

- *Với đối tượng là các nhà khoa học:* cần tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ thực hiện những chương trình nghiên cứu sâu về các vấn đề có liên quan đến duy trì hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.
- *Với đối tượng học sinh, sinh viên:* nên tận dụng địa thế của mình là sản phẩm DLST mang tính giáo dục cao để tiếp cận các trường học của tỉnh nhà và các tỉnh lân cận tổ chức học tập dã ngoại. Đồng thời, chú trọng công tác thiết kế đa dạng tour du lịch học tập kết

hợp với các hoạt động vui chơi tập thể, có chương trình khuyến mãi hấp dẫn cho nhóm du khách đến VQG với số lượng nhiều, đến lần thứ 2,3...

▪ *Với đối tượng khách tham quan tự do:* nên hướng tới việc quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút du khách nội địa có nhu cầu đi dã ngoại cuối tuần, nghỉ ngơi ở những khu vực gần gũi với thiên nhiên và tiếp cận du khách quốc tế ở những thị trường truyền thống như Bắc Âu, Úc, Bắc Mỹ, Tây Âu, Đông Bắc Á, Đông Nam Á và mở rộng thị trường sang các khu vực Mỹ Latinh, Nam Á, Đông Âu, Nam Âu... Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ ăn, ngủ, đi lại, giải trí, thái độ phục vụ, giá cả hợp lý theo mùa nhằm tăng lượng khách, tăng thời gian lưu trú, tăng khả năng chi tiêu của du khách.

▪ *Với các công ty lữ hành:* cần tìm kiếm, kết nối nhằm thiết lập mối quan hệ chặt chẽ để cung cấp sản phẩm du lịch trong tour của họ thông qua việc tổ chức và mời các công ty lữ hành về tham dự hội thảo để lấy ý kiến đóng góp của họ về xây dựng và quảng bá sản phẩm nhằm phát triển DLST theo hướng bền vững. Đồng thời, lựa chọn và phối hợp cùng đối tác quan trọng để tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn về kỹ năng, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cho cán bộ, nhân viên tại VQG cũng như trang bị kiến thức về hệ sinh thái cho cán bộ nhân viên của công ty lữ hành.

Chú trọng công tác tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước. Thực hiện quảng bá về hoạt động du lịch thông qua các báo, đài, website, ấn phẩm quảng cáo nhằm thu hút du khách. Phát triển website www.vuonquocgiaxuanthuy.org.vn trở thành địa chỉ chuyên cung cấp thông tin, quảng bá, tiếp thị sản phẩm dịch vụ, đáp ứng công tác tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du

lịch nhanh chóng, kịp thời. Ngoài song ngữ Việt - Anh thì trang nên được viết thêm bằng ngôn ngữ Pháp, Trung, Nhật, Hàn... để có thể tiếp cận nhiều thị trường khách du lịch quốc tế khác nhau. Đồng thời, Liên kết với các website của các tỉnh lân cận trong cùng vùng Đồng bằng Đông Bắc Bộ, của Tổng cục Du lịch và các địa phương khác trong nước để đặt logo, tạo đường dẫn kết nối về website du lịch của tỉnh Nam Định nhằm tối ưu hóa việc chuyển tải thông tin điểm đến du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy đến các thị trường du lịch trong và ngoài nước. Ngoài ra, cần phối hợp với Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch của Tỉnh Nam Định tham gia vào các hội chợ, ngày hội du lịch nhằm quảng bá hình ảnh VQG Xuân Thủy cũng như thu hút được sự tham gia của các công ty du lịch, hãng lữ hành, cơ quan báo chí, truyền thông.

Tạo thêm nguồn thu cho VQG bằng cách thu phí vào cửa: Qua phân tích kết quả hoạt động kinh doanh cho thấy, nguồn thu chủ yếu của hoạt động du lịch tại VQG Xuân Thủy là những khoản thu từ dịch vụ cho thuê phương tiện di chuyển. Tuy nhiên, với đặc trưng về tài nguyên thì VQG Xuân Thủy nên xác định thêm khoản thu là giá vé vào cửa và việc xác định một mức phí vào cửa tham quan phù hợp là rất quan trọng sao cho vừa tạo thêm nguồn thu nhưng đồng thời không giảm lượng khách du lịch. Tác giả đã sử dụng nguồn số liệu thu thập được từ phỏng vấn du khách đến tham quan VQG Xuân Thủy với p là mức giá vé vào cửa và q là lượng du khách, tính bằng tỷ lệ % du khách chấp nhận trả các mức phí vào cửa tương ứng. Kết quả ước lượng bằng phần mềm Eviews cho thấy, nếu giá vé tăng lên 1.000 đồng, lượng cầu chỉ giảm 0,14%. Như vậy, việc thu vé vào cửa ảnh hưởng không đáng kể đến lượng du khách đến tham quan mà sẽ giúp tăng doanh thu của vườn.

Để cung cấp bổ sung thông tin cho các phân tích, dự báo khi xác định mức vé vào cửa, định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của du khách với mục đích chủ yếu là khảo sát ảnh hưởng của thu nhập đến mức sẵn lòng chi trả bằng hàm hồi quy.

Từ số liệu điều tra cũng cho thấy, trong số 100 du khách được phỏng vấn với câu hỏi: “Bạn có sẵn lòng trả một số tiền cho mỗi lần đi du lịch đến VQG Xuân Thủy không?” thì chỉ có 11% du khách trả lời là không, còn lại 89% du khách đồng ý trả tiền cho mỗi lần du lịch đến VQG Xuân Thủy với mức sẵn lòng chi trả thêm của du khách cho vé vào cửa của VQG trung bình là khoảng 23.000 đồng và dao động từ 15.000 đồng đến 40.000 đồng. Theo đó, có chính sách giá vé phù hợp với từng đối tượng. Cụ thể: Người lớn: 35.000 đ/người; học sinh, sinh viên: 20.000 đ/người; trẻ em: 15.000 đ/người.

Ngoài ra, bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và nguồn thu tại chỗ thì VQG Xuân Thủy có thể tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước về bảo tồn thiên nhiên và phát triển DLST hoặc vay vốn ngân hàng để đầu tư và phát triển DLST.

❖ *Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về văn hóa - xã hội*

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân, giữ gìn và phát triển các làng nghề truyền thống, góp phần xóa đói giảm nghèo cũng như giảm thiểu tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi.
- Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí và sự hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cư dân địa phương và du khách trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đầu tư kinh phí để nghiên cứu, điều tra, sưu tầm, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của người dân nơi đây. Từ đó, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của địa phương.

❖ *Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về tài nguyên - môi trường*

Sự ô nhiễm môi trường phần lớn xuất phát từ các hoạt động xây dựng, các chất thải từ khu nhà nghỉ, nhà hàng và rác thải của khách tham quan du lịch cộng với sự thiếu hụt các cơ sở dịch vụ làm sạch môi trường. Vì vậy, để giảm thiểu tới mức thấp nhất về ô nhiễm môi trường thì VQG Xuân Thủy cần phải thực hiện những giải pháp sau:

- Tất cả các dự án phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan chuyên môn để cơ quan chức năng xem xét, cân nhắc trước khi ra quyết định cấp phép xây dựng.
- Khi xây dựng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng hạ tầng trong VQG, đặc biệt là xây dựng hệ thống đường, các khu nhà nghỉ, hệ thống cấp thoát nước, khu vui chơi giải trí, bãi đỗ xe.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống nước thải, thu gom và xử lý rác thải, các địa điểm có hoạt động du lịch và xây dựng. Hệ thống nước thải bắt buộc phải được xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh các chất thải của ngành môi trường.
- Đặt các thùng rác công cộng trên đường đi, tại khu trung tâm và các khu du khách dừng chân tham quan; xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại mỗi điểm tham quan để tránh tình trạng du khách đi vệ sinh bừa bãi; thành lập đội vệ sinh môi trường làm công tác thu gom rác thải, làm sạch môi trường nước, hàng ngày thu gom và đưa rác thải đến nơi khác xử lý; đưa ra các mức phạt nếu du khách không tuân thủ những nguyên tắc của khu du lịch về bảo vệ môi trường.

▪ Thường xuyên giám sát, kiểm tra định kỳ và kiểm tra bất thường nhằm xác định nguồn gây tác động môi trường để có các biện pháp ngăn chặn kịp thời khi có vi phạm.

4. KẾT LUẬN

VQG Xuân Thủy của tỉnh Nam Định là khu Ramsar và khu dự trữ sinh quyển thế giới có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Danh hiệu quốc tế trên mang đến lợi ích to lớn và lâu dài cho cộng đồng địa phương như: bảo vệ nguồn lợi

từ rừng, tạo công ăn việc làm tại chỗ, các bản sắc văn hóa, làng nghề truyền thống lâu đời được giữ gìn và phát huy, giúp các sản phẩm đặc sản của tỉnh được giới thiệu đến du khách trong và ngoài nước. Việc phát triển du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy nhằm giúp cho cộng đồng hiểu được giá trị và chung tay, góp sức bảo vệ tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần thực hiện mục tiêu du lịch xanh hướng tới phát triển có hiệu quả bền vững trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Trung Lương (2002), Du lịch sinh thái - những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Vườn quốc gia Xuân Thủy, Các báo cáo hoạt động của VQG Xuân Thủy.
- [3] Các website: <http://www.dulichnamdinh.com.vn>; <http://baonamdinh.com.vn>; <http://www.baodulich.net.vn>

Thông tin liên hệ: **Đỗ Thị Phụng**

Điện thoại: 0912227115 - Email: dtphuong@uneti.edu.vn

Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

